

TÒA ÁN ND TP THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 83 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 20/8/2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Kiên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Tú;

Ông Trần Quảng Thái;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia;

Ngày 20/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2019 về ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 02/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2019, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Chi Vũ Thị G**, sinh năm 1991;

+ Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn D**, sinh năm 1988;

Cùng ĐKKH và ở: Tổ 11, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên;

(Chị G có đơn xin xét vắng mặt; Anh D vắng mặt lần thứ 2- không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị G là nguyên đơn trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh D kết hôn năm 2011, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh D tại tổ 11, phường Tân Thành. Tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 1-2 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân chính là do anh D không có trách nhiệm với bản thân và gia đình, không chịu làm bất cứ việc gì để có thu nhập duy trì đời sống mà thường xuyên giao lưu với các đối tượng nghiện ma túy, dẫn đến bản thân anh D đã mắc nghiện ma túy. Năm 2012 anh D đã bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù giam về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Khoảng tháng 8/2014 anh D mãn hạn tù nhưng chỉ được khoảng mấy tháng đầu anh D tỏ ra ăn năn hối lỗi, sau đó anh D lại tiếp tục ngang nhiên sử dụng ma túy và luôn trong trạng thái phê thuốc không làm chủ được bản thân và còn quan hệ

ngoại tình với người phụ nữ khác và đánh đập Chị G nhiều lần, có lần Chị G phải trình báo Công an phường. Nhiều lần Chị G về bên ngoại ở nhưng lại về đoàn tụ. Từ tháng 5/2018 đến nay Chị G đã ở nhà mẹ đẻ, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó. Nay Chị G xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn anh D.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Vũ Gia B, sinh ngày 05/10/2011 và Nguyễn Vũ Lâm A, sinh ngày 21/10/2015, hiện 02 con đang ở với anh D và ông bà nội. Lý do, Chị G không đưa 02 con về bên ngoại là vì các cháu đang có nơi học ổn định. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị Giang vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong việc nuôi dưỡng các con (đi lại thăm nom và gửi tiền cho ông bà nội chăm sóc 02 con). Mặt khác, ông bà nội cũng có điều kiện (có lương hưu và có sức khỏe) nên cũng mong muốn được giúp đỡ vợ chồng chị chăm sóc 02 con.

Hiện Chị G kinh doanh mỹ phẩm tại nhà mẹ đẻ, thu nhập bình quân từ 10-15 triệu đồng/ tháng. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn D là bị đơn thừa nhận các nội dung như Chị G đã khai về quan hệ hôn nhân, tình trạng mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân, con chung và điều kiện nuôi dưỡng con của vợ chồng và trong thời gian vợ chồng sống ly thân Chị G luôn có trách nhiệm với các con như Chị G đã khai nêu trên là đúng thực tế.

Anh D cũng thừa nhận có bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù giam về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Tuy nhiên, anh D không đồng ý ly hôn vì anh đã ngừng sử dụng ma túy.

+ Về con chung: Nếu phải ly hôn anh D đề nghị giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã kiên trì phân tích, hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến do đó vụ án phải đưa ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị G là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Việc tổng đạt các Văn bản tố tụng và tiến hành các thủ tục tố tụng giải quyết vụ án sơ vụ án, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự; Chị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Anh D vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 338 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Chị G, anh D theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Vũ Thị G và anh Nguyễn Văn D kết hôn năm 2011, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Chị G và anh D là hợp pháp;

Các đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài nhiều năm, vợ chồng đã sống ly thân như đã nêu trên. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của Chị G, cho Chị G được ly hôn anh D để giải phóng cho cả đôi bên, tạo điều kiện cho các đương sự ổn định cuộc sống. Như vậy là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ **Về con chung:** Các đương sự có 02 con chung như nêu trên. Xét thấy cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chưa thành niên. Việc giao trách nhiệm cho người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con.

Căn cứ điều kiện thực tế như các đương sự thừa nhận nêu trên, nên giao cả 02 con chung cho Chị G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh D thực hiện quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung theo quy định. Không giải quyết cấp dưỡng nuôi con (vì Chị G không yêu cầu). Như vậy là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cháu sau khi cha mẹ ly hôn theo các quy định tại Điều 58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ **Về tài sản chung và nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về các vấn đề khác:

+ **Về án phí:** Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

+ **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các quy định:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 338 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 58, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 24 Nghị quyết số 236/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Chị G, cho Chị G được ly hôn anh Nguyễn Văn D

2. Về con chung: Giao cho Chị G trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Vũ Gia B, sinh ngày 05/10/2011 và Nguyễn Vũ Lâm A, sinh ngày 21/4/2015 đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh D có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật; Không giải quyết cấp dưỡng nuôi con (vì Chị G không yêu cầu);

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết (do các đương sự không yêu cầu)

4. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí sang - theo Biên lai thu số 0007494 ngày 29/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên lập);

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết/.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thúy Kiên